

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2026; Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 05/2026/L-CTN ngày 26/4/2026; có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TRỢ GIÚP PHÁP LÝ¹

1. Về cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, đề ra nhiệm vụ: “*Xây dựng mạng lưới, nâng cao năng lực của hệ thống trợ giúp pháp lý (TGPL) để người dân dễ tiếp cận pháp luật*”; “*Nâng cao vai trò, tính chuyên nghiệp và chất lượng TGPL, nhất là trong hoạt động tố tụng tư pháp; hiện đại hóa, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống TGPL; mở rộng đối tượng được TGPL phù hợp với điều kiện của đất nước*”.

- Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng “*tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật, các thiết chế trong lĩnh vực TGPL*”.

- Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị khoá IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW, trong đó có nội dung: “*Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp và bổ trợ tư pháp trong sạch, vững mạnh; tăng cường hợp tác quốc tế về tư pháp*”.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong

¹ Theo Tờ trình số 104/TTr-CP ngày 21/3/2026 của Chính phủ về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý.

kỷ nguyên mới yêu cầu: *“Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ hệ thống dịch vụ pháp lý, hỗ trợ pháp lý, TGPL, đăng ký biện pháp bảo đảm để người dân và doanh nghiệp dễ tiếp cận pháp luật, quản trị rủi ro pháp lý.”*; *“ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số đồng bộ trong phổ biến, giáo dục pháp luật, TGPL, đăng ký biện pháp bảo đảm”*; *“Bố trí nguồn ngân sách phù hợp, tương xứng cho công tác tổ chức thi hành pháp luật. Ưu tiên nguồn lực tương xứng cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, TGPL cho đối tượng đặc thù, yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số.”*.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia yêu cầu: *“Nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân”*.

- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh đã tác động đến mô hình tổ chức và hoạt động của các Trung tâm TGPL nhà nước và Chi nhánh của Trung tâm.

- Tại buổi làm việc với Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp ngày 07/11/2024, đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm đã chỉ đạo *“Phát huy vai trò của TGPL trong thực hiện các chính sách an sinh xã hội”* (Thông báo số 108-TB/VPTW ngày 18/11/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng).

- Thời gian qua, một số văn bản pháp luật mới đã được ban hành liên quan đến TGPL như: Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15, Luật Phòng, chống mua bán người số 53/2024/QH15, Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15, Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

2. Cơ sở pháp lý

Sau gần 08 năm thi hành Luật TGPL, công tác TGPL đã đi vào nề nếp và đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Trên cơ sở quy định của Luật TGPL năm 2017, đến nay đã có 03 Nghị định, 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 16 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và 02 Thông tư liên tịch quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật được ban hành.

- *Về tổ chức thực hiện TGPL*, toàn quốc hiện có 42 Trung tâm (trước khi hợp nhất tỉnh có 63 Trung tâm), 70 Chi nhánh của Trung tâm, 04 tổ chức hành nghề luật sư, 02 tổ chức tư vấn pháp luật ký hợp đồng với Sở Tư pháp; 70 tổ chức đăng ký tham gia TGPL, trong đó có 54 tổ chức hành nghề luật sư, 16 tổ chức tư vấn pháp luật đăng ký tham gia TGPL với Sở Tư pháp. Tính đến ngày 31/12/2025, cả nước có 1.634 người thực hiện TGPL, trong đó có 740 trợ giúp viên pháp lý, 894 người tham gia TGPL. Trong 08 năm qua, trung bình kinh phí chi cho hoạt động TGPL khoảng 300 tỷ đồng/năm.

- *Về kết quả thực hiện TGPL*, theo báo cáo của các địa phương, tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2025, toàn quốc có 262.147 vụ việc TGPL kết thúc, trong đó, có 163.820 vụ việc tham gia tố tụng, 96.066 vụ việc tư vấn pháp luật, 2.261 vụ việc đại diện ngoài tố tụng. Chất lượng vụ việc TGPL ngày càng được quan tâm, chú trọng. Nhiều vụ việc TGPL tham gia tố tụng được đánh giá là hiệu quả, thành công. Thông qua các vụ việc TGPL cụ thể, quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL được bảo vệ, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân, quyền tiếp cận công lý và hiện thực hóa chủ trương “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

Nội dung về TGPL đã được ghi nhận trong các Chương trình mục tiêu quốc gia. Cùng với việc đổi mới công tác truyền thông giúp người dân hiểu và sử dụng dịch vụ TGPL của Nhà nước, các tổ chức thực hiện TGPL đã tập trung vào thực hiện vụ việc TGPL và nâng cao chất lượng TGPL. Vai trò của người thực hiện TGPL, đặc biệt là trợ giúp viên pháp lý ngày càng được ghi nhận. Người dân đã tin tưởng và lựa chọn trợ giúp viên pháp lý thực hiện vụ việc TGPL. Những kết quả mà công tác TGPL đạt được trong thời gian qua được Đảng, Nhà nước ghi nhận, đánh giá cao, góp phần “giảm nghèo” về pháp luật và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện Luật TGPL năm 2017 còn bộc lộ một số khó khăn, bất cập như sau:

- *Về diện người được TGPL*, một số nhóm người thuộc chính sách người có công (gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ), người nhiễm chất độc da cam, người khuyết tật... thuộc nhóm “đối tượng đặc thù”, gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống, nhưng hiện nay phải chứng minh điều kiện khó khăn về tài chính mới thuộc diện được TGPL. Bị

hại trong vụ án hình sự thuộc diện được TGPL đang chỉ giới hạn ở nhóm người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi có khó khăn về tài chính. Bên cạnh đó, một số nhóm người “dễ bị tổn thương” hoặc đang cần trợ giúp nhưng chưa được xác định là người được TGPL. **Ví dụ:** người dân tộc thiểu số rất ít người; người có khó khăn đột xuất do gặp thiên tai, hỏa hoạn... Ngoài ra, thời gian gần đây, Việt Nam đã ký kết nhiều điều ước quốc tế, trong đó có các Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự, quy định việc TGPL cho công dân của bên ký kết điều ước quốc tế với Việt Nam, nhưng Luật TGPL năm 2017 chưa có quy định về nhóm đối tượng này.

- *Về trợ giúp viên pháp lý*, Luật TGPL quy định tiêu chuẩn của trợ giúp viên pháp lý tương đối phù hợp. Tuy nhiên, các quy định về bổ nhiệm, cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý chưa thật sự chặt chẽ, chưa phù hợp với vai trò và tính chất đặc thù nghề nghiệp TGPL, trong khi trên thực tế, đây là nghề có sự tương đồng với nghề luật sư. Điều này cũng đang làm ảnh hưởng đến chất lượng của hoạt động TGPL và niềm tin của xã hội đối với đội ngũ này.

- *Về cộng tác viên TGPL*, Luật TGPL năm 2017 đang giới hạn chỉ một số nhóm người có thể trở thành cộng tác viên TGPL gồm: trợ giúp viên pháp lý; thẩm phán, thẩm tra viên ngành Tòa án; kiểm sát viên, kiểm tra viên ngành kiểm sát; điều tra viên; chấp hành viên, thẩm tra viên thi hành án dân sự; chuyên viên làm công tác pháp luật tại các cơ quan nhà nước đã nghỉ hưu. Mặt khác, Luật đang giới hạn và chỉ cho các Trung tâm TGPL ký kết hợp đồng với cộng tác viên ở “vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”. Bên cạnh đó, cộng tác viên TGPL chỉ được thực hiện các vụ việc TGPL theo hình thức tư vấn pháp luật mà không được đại diện ngoài tố tụng. Các quy định này chưa thu hút được người có trình độ, có năng lực trong xã hội tham gia TGPL, không mở rộng được mạng lưới người thực hiện TGPL ở các địa bàn khác để đáp ứng nhu cầu TGPL của người dân.

- *Về tổ chức thực hiện TGPL*, khoản 2 Điều 11 Luật TGPL năm 2017 quy định Chi nhánh của Trung tâm “được thành lập tại các huyện ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, giao thông không thuận tiện đến Trung tâm TGPL nhà nước và chưa có tổ chức hành nghề luật sư hoặc tổ chức tư vấn pháp luật tham gia TGPL” không còn phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương.

- Về vai trò của chính quyền cấp xã, sau khi thực hiện tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, cấp xã có quy mô lớn hơn, vị trí, vai trò đã được khẳng định ở tầm cao mới. Tuy nhiên, Luật TGPL năm 2017 chưa có quy định cụ thể về vai trò, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc phối hợp tổ chức công tác TGPL tại địa phương.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tạo lập, kết nối dữ liệu TGPL là nhu cầu tất yếu, vừa giúp cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu suất, hiệu quả quản lý nhà nước, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho người dân. Tuy nhiên, Luật TGPL năm 2017 chưa có quy định về vấn đề này.

- Luật TGPL năm 2017 có một số quy định về thành phần hồ sơ, trình tự thực hiện TGPL (yêu cầu TGPL, hồ sơ vụ việc TGPL, thời hạn xử lý của người thực hiện TGPL, bổ nhiệm, miễn nhiệm và cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý...) chưa phù hợp với định hướng đổi mới tư duy về xây dựng pháp luật hiện nay, đó là luật chỉ quy định những vấn đề chung, vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội; những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì quy định tại văn bản dưới luật để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn.

Từ các cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TGPL năm 2017 là cần thiết, nhằm giải quyết những bất cập, hạn chế trong quy định hiện hành, nâng cao chất lượng TGPL và đáp ứng yêu cầu bảo đảm quyền được tiếp cận công lý của người dân, đặc biệt là các nhóm “yếu thế” trong xã hội, phù hợp với các chính sách của Đảng và Nhà nước ta về an sinh và công bằng xã hội theo phương châm “không ai bị bỏ lại phía sau”.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

1. Mục đích

Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TGPL nhằm khắc phục một số hạn chế, bất cập của Luật TGPL năm 2017, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm bảo đảm tốt hơn quyền tiếp cận TGPL của người dân, phù hợp với tình hình và điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước; nâng cao tính chuyên nghiệp, hiệu quả của công tác TGPL; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số; đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, cải cách hành chính và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp hiện nay.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng luật

- Thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối mới của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Trong đó, cụ thể hóa các chỉ đạo của Đảng tại Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết số 49-NQ/TW, Nghị quyết số 66-NQ/TW, Nghị quyết số 68-NQ/TW, Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và các chủ trương, chính sách khác của Đảng và Nhà nước.

- Lấy quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL làm trung tâm, rà soát các đối tượng thuộc diện được TGPL bảo đảm đồng bộ với hệ thống pháp luật, phù hợp với điều kiện và nguồn lực hiện nay nhằm tăng cường khả năng tiếp cận TGPL của người dân; mở rộng các điều kiện và phạm vi hoạt động của trợ giúp viên pháp lý và cộng tác viên thực hiện TGPL; tổ chức và hoạt động của các tổ chức TGPL phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

- Bảo đảm tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; tính thống nhất, đồng bộ với các luật, nghị quyết có liên quan, nhất là các luật, nghị quyết được Quốc hội ban hành trong thời gian vừa qua; tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm nước ngoài, phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam để bảo đảm tính khả thi.

II. BỐ CỤC CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý (*sau đây viết tắt là Luật năm 2026*) gồm **03 điều**, cụ thể như sau:

- **Điều 1:** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý (*gồm 20 khoản, sửa đổi, bổ sung 21/48 điều và bãi bỏ 02 điều của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017*).

- **Điều 2:** Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan (*gồm 02 khoản*).

- **Điều 3:** Quy định về hiệu lực thi hành.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý

Luật năm 2026 đã sửa đổi, bổ sung 21/48 điều và bãi bỏ 02 điều của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, cụ thể:

1.1. Sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể về nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác trợ giúp pháp lý tại khoản 2 Điều 5, cụ thể:

Kinh phí ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của cơ quan thực hiện quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, công nghiệp công nghệ số và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Đối với địa phương chưa tự cân đối được ngân sách, ưu tiên bố trí ngân sách từ số bổ sung cân đối ngân sách hằng năm để hỗ trợ cho việc thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý phức tạp, điển hình.

1.2. Sửa đổi, bổ sung quy định về người được trợ giúp pháp lý theo hướng mở rộng diện người được trợ giúp pháp lý

Luật năm 2026 đã cụ thể hoá phương châm cốt lõi trong việc xác định diện người được TGPL là dựa trên những nguyên tắc, tiêu chí phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật hiện hành và điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước; đồng thời, bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện. Theo đó, quy định về người được TGPL trong Luật tiếp tục kế thừa 06 nhóm người của đang được quy định tại Luật TGPL năm 2017, sửa đổi 03 nhóm và bổ sung thêm 05 nhóm nhằm bảo đảm tốt hơn quyền được TGPL của những người dễ bị tổn thương trong xã hội. Bên cạnh đó, việc xác định diện người được TGPL cũng dựa trên các chính sách xã hội cơ bản (ví dụ như chính sách giảm nghèo, chính sách ưu đãi người có công, chính sách dân tộc...) và điều kiện của đất nước, cụ thể như sau:

- 06 nhóm người được kế thừa hoàn toàn từ quy định của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 là:

- + Người có công với cách mạng;
- + Người thuộc hộ nghèo;
- + Trẻ em;
- + Người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

+ Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, người làm chứng, người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng, phạm nhân theo quy định của Luật Tư pháp người chưa thành niên;

+ Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân của hành vi mua bán người và người dưới 18 tuổi đi cùng theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người.

- 03 nhóm người được kế thừa và mở rộng theo hướng được TGPL không phụ thuộc vào yếu tố khó khăn tài chính là:

- + Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi liệt sĩ;
- + Người nhiễm chất độc da cam;
- + Người khuyết tật.

- 02 nhóm người không quy định điều kiện có khó khăn về tài chính mà gắn với điều kiện tài chính cụ thể của từng nhóm, là:

- + Người thuộc hộ cận nghèo;
- + Người được hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng là người cao tuổi, người bị bạo lực trong vụ việc bạo lực gia đình, người nhiễm HIV.

- 05 nhóm người được bổ sung mới hoàn toàn là:

- + Người dân tộc thiểu số rất ít người;
- + Người lao động có thu nhập thấp là người bị buộc tội, bị hại;
- + Người có khó khăn đột xuất do gặp thiên tai hoặc hỏa hoạn được trợ giúp pháp lý trong vụ việc liên quan trực tiếp đến khắc phục hậu quả xảy ra với họ bởi các sự kiện này;
- + Cá nhân bị thiệt hại mà không thuê người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;
- + Người nước ngoài theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định được trợ giúp pháp lý.

Ngoài ra, Luật TGPL bổ sung quy định “*Người được TGPL khác theo quy định của pháp luật*” nhằm tạo sự linh hoạt, bảo đảm khả năng bao quát các đối tượng được TGPL phát sinh trong tương lai.

Có thể thấy việc bổ sung các nhóm đối tượng mới và mở rộng một số nhóm theo hướng không phụ thuộc vào điều kiện tài chính đã góp phần mở rộng cơ hội tiếp cận công lý, bảo đảm TGPL kịp thời cho những trường hợp thực sự cần TGPL trong thực tiễn. Qua đó, Luật TGPL tiếp tục khẳng định vai trò là công cụ pháp lý quan trọng bảo đảm công bằng xã hội, thực hiện quyền con người, quyền công dân, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

1.3. Sửa đổi, bổ sung quy định về Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tại khoản 2 và khoản 3 Điều 11, theo đó không còn quy định giới hạn điều kiện đối với việc thành lập Chi nhánh của Trung tâm TGPL nhà nước là *“Chi nhánh ... được thành lập tại các huyện ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, giao thông không thuận tiện đến Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và chưa có tổ chức hành nghề luật sư hoặc tổ chức tư vấn pháp luật tham gia trợ giúp pháp lý”* như Luật TGPL năm 2017. Luật năm 2026 quy định:

- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có thể có Chi nhánh. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Chi nhánh. Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu trợ giúp pháp lý tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

- Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước; trình tự, thủ tục thành lập, giải thể, sáp nhập Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

Nhằm trao quyền mạnh mẽ hơn cho địa phương chủ động quyết định thành lập Chi nhánh, thực hiện triệt để nguyên tắc *“địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”*. Sự điều chỉnh này đã tạo điều kiện để Chi nhánh – “cánh tay nối dài” của Trung tâm, được bố trí linh hoạt hơn theo đặc thù từng địa bàn, qua đó bảo đảm người dân, đặc biệt là người thuộc diện được TGPL được tiếp cận dịch vụ TGPL thuận lợi, kịp thời, liên tục, không bị gián đoạn trong bối cảnh nhiều địa phương có phạm vi quản lý rộng, điều kiện địa lý, giao thông đi lại khác nhau, quy mô dân số lớn và cơ cấu dân cư đa dạng.

1.4. Sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chuẩn trợ giúp viên pháp lý tại Điều 19

Để phát huy nguồn nhân lực đã có kinh nghiệm thực hiện TGPL, Luật quy định một trong những tiêu chuẩn trợ giúp viên pháp lý là *“Đã qua thời gian tập sự hành nghề luật sư hoặc tập sự trợ giúp pháp lý, trừ trường hợp đã từng là trợ giúp viên pháp lý”*.

Đây là sự điều chỉnh hợp lý, bảo đảm phù hợp với thực tiễn đội ngũ trợ giúp viên pháp lý trong thời gian qua. Theo quy định của Luật TGPL năm 2017, mọi trường hợp khi được xem xét bổ nhiệm đều phải đáp ứng điều kiện về tập sự, kể cả những người đã từng là trợ giúp viên pháp lý nhưng vì lý do công tác đã chuyển sang vị trí khác, sau đó quay trở lại làm TGPL. Như vậy, những người đã từng là trợ giúp viên pháp lý có kinh nghiệm thực tiễn nghề nghiệp, đã trực tiếp thực hiện vụ việc TGPL phải tập sự, “làm quen với TGPL” là không cần thiết, gây lãng phí thời gian và nguồn lực.

1.5. Sửa đổi, bổ sung quy định về bổ nhiệm, cấp thẻ, cấp lại thẻ trợ giúp viên pháp lý tại Điều 21

Luật năm 2026 đã bổ sung, cụ thể hóa các trường hợp không được bổ nhiệm trợ giúp viên pháp lý theo hướng rõ ràng hơn. Theo đó, để được bổ nhiệm trợ giúp viên pháp lý thì bên cạnh việc đáp ứng các tiêu chuẩn trợ giúp viên pháp lý (quy định tại Điều 19) thì không được thuộc một trong các trường hợp sau:

- Đang trong thời hạn bị xử lý kỷ luật; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng do cố ý, tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý; đã bị kết án mà chưa được xóa án tích về tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý.

Quy định này nhằm nâng cao tiêu chuẩn đầu vào, bảo đảm đội ngũ trợ giúp viên pháp lý có phẩm chất đạo đức, uy tín đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hoạt động TGPL, nhất là trong hoạt động TGPL tham gia tố tụng.

1.6. Sửa đổi, bổ sung quy định về miễn nhiệm, thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý tại Điều 22

Luật năm 2026 đã bổ sung, quy định về miễn nhiệm, thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý, theo đó cụ thể trường hợp “*bị miễn nhiệm*” và “*đương nhiên miễn nhiệm*”, như sau:

- ***Trợ giúp viên pháp lý bị miễn nhiệm*** và thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Không còn đủ tiêu chuẩn trợ giúp viên pháp lý quy định tại Điều 19 của Luật này;

+ Không thực hiện vụ việc tham gia tố tụng trong thời gian 12 tháng liên tục, trừ trường hợp do nguyên nhân khách quan;

+ Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc;

+ Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo trở lên do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật này;

+ Đang trong thời gian bị cấm hành nghề trợ giúp pháp lý theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

+ Bị kết án mà bản án đã có hiệu lực pháp luật;

+ Bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc cơ sở giáo dục bắt buộc.

- ***Trợ giúp viên pháp lý đương nhiên miễn nhiệm*** và thẻ trợ giúp viên pháp lý đương nhiên không còn giá trị trong các trường hợp sau đây:

+ Chuyển công tác khác; thôi việc hoặc cho thôi việc;

+ Nghỉ hưu.

Có thể thấy, Luật năm 2026 đã bổ sung một số trường hợp cụ thể là căn cứ miễn nhiệm và thu hồi thẻ, như: “*bị kết án mà bản án đã có hiệu lực pháp luật*”; hoặc “*bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc cơ sở giáo dục bắt buộc*”. Để thời gian tới tiếp tục duy trì đội ngũ trợ giúp viên pháp lý có năng lực, bảo đảm chất lượng dịch vụ TGPL cung cấp cho người yếu thế, Luật đã siết chặt hơn khi quy định trợ giúp viên pháp lý bị miễn nhiệm và thu hồi thẻ khi không thực hiện vụ việc tham gia tố tụng trong 12 tháng liên tục (Luật TGPL năm 2017 quy định trong 02 năm liên tục); hoặc khi bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo trở lên do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động TGPL tại khoản 1 Điều 6 Luật TGPL năm 2017 (Luật TGPL năm 2017

quy định bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo từ lần thứ 02 trở lên hoặc cách chức do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động TGPL) hoặc đang trong thời gian bị cấm hành nghề trợ giúp pháp lý theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Những quy định này góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động nghề nghiệp, đồng thời bảo đảm cơ chế sàng lọc, duy trì chất lượng đội ngũ trợ giúp viên pháp lý.

Ngoài ra, Luật năm 2026 bổ sung quy định trợ giúp viên pháp lý đương nhiên miễn nhiệm và thẻ trợ giúp viên pháp lý đương nhiên không còn giá trị. Đối với các trường hợp như chuyển công tác khác, thôi việc, cho thôi việc hoặc nghỉ hưu thì đương nhiên miễn nhiệm và thẻ trợ giúp viên pháp lý không còn giá trị. Như vậy, các trường hợp này không phải thực hiện thủ tục xem xét, quyết định thu hồi thẻ như trước đây; nhằm giảm bớt các thủ tục không cần thiết.

1.7. Sửa đổi, bổ sung quy định về cộng tác viên trợ giúp pháp lý tại Điều 24

Đây là một trong những điểm mới đáng chú ý của Luật năm 2026 là sửa đổi quy định về cộng tác viên trợ giúp pháp lý, theo hướng vừa mở rộng nguồn lực, vừa tăng cường kiểm soát chất lượng.

Luật năm 2026 đã mở rộng theo hướng không giới hạn địa bàn người đủ điều kiện có thể đăng ký làm cộng tác viên TGPL (*Luật TGPL năm 2017 quy định cộng tác viên TGPL chỉ có ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn*). Cách tiếp cận mới này không chỉ giúp tăng tính linh hoạt trong tổ chức thực hiện mà còn tạo điều kiện để người dân ở nhiều khu vực khác nhau được tiếp cận dịch vụ TGPL thuận lợi hơn. Đồng thời, Luật cũng hướng tới việc tận dụng hiệu quả nguồn nhân lực có kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật trong xã hội; bên cạnh các chức danh người đã nghỉ hưu như trợ giúp viên pháp lý, Thẩm phán, Thẩm tra viên, Kiểm sát viên..., Luật đã mở rộng đáng kể các nhóm đối tượng có thể trở thành cộng tác viên TGPL, bao gồm cả những người đã từng là cộng tác viên TGPL; người đã nghỉ hưu là người giữ hạng, ngạch chuyên viên chính và tương đương trở lên làm công tác pháp luật, người giữ hạng, ngạch chuyên viên và tương đương làm công tác pháp luật từ 05 năm trở lên tại cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận. Bổ sung quy định viên chức giữ hạng III và tương đương làm công tác pháp luật từ 05 năm trở lên hoặc viên chức giữ hạng I, hạng II và tương đương

làm công tác pháp luật cũng được trở thành cộng tác viên TGPL khi được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan nơi làm việc. Theo đó, những người sau đây có thể trở thành cộng tác viên trợ giúp pháp lý:

- Người đã nghỉ hưu hoặc thôi việc theo nguyện vọng hoặc thôi việc vì lý do khách quan, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, phẩm chất đạo đức tốt, đủ sức khỏe và có nguyện vọng thực hiện trợ giúp pháp lý, bao gồm người đã từng là: trợ giúp viên pháp lý, Thẩm phán, Thẩm tra viên ngành Tòa án, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên ngành Kiểm sát, Điều tra viên, Chấp hành viên, Thẩm tra viên thi hành án dân sự, người giữ hạng, ngạch chuyên viên chính và tương đương trở lên làm công tác pháp luật; người giữ hạng, ngạch chuyên viên và tương đương có thời gian làm công tác pháp luật từ 05 năm trở lên tại cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận; người đã từng là cộng tác viên trợ giúp pháp lý;

- Viên chức giữ hạng III và tương đương làm công tác pháp luật từ 05 năm trở lên hoặc viên chức giữ hạng I, hạng II và tương đương làm công tác pháp luật và được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan nơi làm việc.

Quy định mới nêu trên đã tạo cơ chế mở rộng nhưng có chọn lọc, vừa huy động được nguồn nhân lực pháp lý có chất lượng trong xã hội, vừa bảo đảm yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện đối với cộng tác viên TGPL. Điều này không chỉ góp phần mở rộng mạng lưới cung cấp dịch vụ TGPL trên phạm vi rộng hơn mà còn nâng cao chất lượng, hiệu quả, đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng đa dạng của người dân trong thực tiễn.

Bên cạnh đó, Luật năm 2026 đã có bước hoàn thiện quan trọng trong cơ chế quản lý đội ngũ cộng tác viên TGPL, đặc biệt là quy định về cấp và thu hồi thẻ cộng tác viên TGPL theo hướng đồng bộ, chặt chẽ, minh bạch và chuyên nghiệp hơn. Luật đã bổ sung các trường hợp không được cấp thẻ cộng tác viên TGPL. Cụ thể, để được cấp thẻ cộng tác viên TGPL, bên cạnh việc đáp ứng tiêu chuẩn luật định (quy định tại khoản 1 Điều 24) thì không được thuộc một trong các trường hợp sau:

- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng do cố ý, tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý; đã bị kết án mà chưa được xóa án tích về tội phạm rất nghiêm

trọng do vô ý, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý;

- Đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; viên chức đang trong thời hạn bị xử lý kỷ luật.

Luật năm 2026 quy định các trường hợp thu hồi thẻ cộng tác viên TGPL đầy đủ, rõ ràng hơn, tương đồng với điều kiện được cấp thẻ và mang tính “sàng lọc thường xuyên”. Theo đó, cộng tác viên TGPL sẽ bị thu hồi thẻ không chỉ khi người đó không còn đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, mà còn trong các trường hợp phát sinh trong quá trình hoạt động. Cụ thể: Thu hồi thẻ trong các trường hợp cộng tác viên *không tham gia thực hiện vụ việc TGPL* trong thời gian 02 năm liên tục (lưu ý, Nghị định số 144/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định thu hồi thẻ đối với trường hợp *không thực hiện TGPL* trong thời gian 02 năm liên tục); vi phạm quy định về các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động TGPL hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực TGPL nhưng chưa đến mức bị thu hồi thẻ cộng tác viên TGPL mà tiếp tục có hành vi vi phạm; hợp đồng cộng tác viên TGPL bị chấm dứt hoặc không thực hiện nghĩa vụ ký kết trong thời hạn theo quy định, cũng như khi bị xử lý kỷ luật nghiêm trọng, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc cơ sở giáo dục bắt buộc; bị kết án theo bản án có hiệu lực pháp luật.

Như vậy, với việc hoàn thiện đồng bộ từ điều kiện cấp thẻ đến các trường hợp thu hồi thẻ cộng tác viên TGPL, Luật năm 2026 đã thiết lập cơ chế quản lý cộng tác viên TGPL theo hướng chặt chẽ, liên tục và bảo đảm chất lượng, hiệu quả hoạt động hơn. Quy định này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng, trách nhiệm của đội ngũ cộng tác viên TGPL mà còn bảo đảm tính minh bạch trong hoạt động TGPL, qua đó phục vụ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL.

1.8. Bổ sung quy định về phạm vi thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tại khoản 1 Điều 26, theo đó, bổ sung “*Vụ việc được chuyển theo quy định tại khoản 3 Điều 35 của Luật này.*” ngoài 03 trường hợp: (i) Người được trợ giúp pháp lý đang cư trú tại địa phương; (ii) Vụ việc trợ giúp pháp lý xảy ra tại địa phương; (iii) Vụ việc trợ giúp pháp lý do cơ quan có thẩm quyền về trợ giúp pháp lý ở Trung ương yêu cầu theo Luật năm 2017.

1.9. Sửa đổi, bổ sung quy định về yêu cầu, thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý tại Điều 30, cụ thể:

(i) Khi yêu cầu trợ giúp pháp lý, người yêu cầu phải nộp hồ sơ cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý.

(ii) Yêu cầu trợ giúp pháp lý chỉ được thụ lý khi có vụ việc cụ thể liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý và phù hợp với quy định của Luật này.

(iii) Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý phải từ chối thụ lý và thông báo rõ lý do bằng văn bản cho người yêu cầu khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Yêu cầu trợ giúp pháp lý không đáp ứng quy định tại mục (ii) nêu trên;
- Yêu cầu trợ giúp pháp lý có nội dung trái pháp luật;
- Người được trợ giúp pháp lý đã chết;
- Vụ việc đang được một tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý khác thụ lý, giải quyết;
- Yêu cầu trợ giúp pháp lý đã được giải quyết và không phát sinh nội dung mới.

(iv) Trường hợp người yêu cầu chưa thể cung cấp đầy đủ hồ sơ nhưng cần thực hiện trợ giúp pháp lý ngay do vụ việc sắp hết thời hiệu khởi kiện, sắp đến ngày xét xử, vụ việc do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng chuyển yêu cầu trợ giúp pháp lý cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc để tránh gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý thì người tiếp nhận yêu cầu báo cáo người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và thụ lý ngay, đồng thời hướng dẫn người yêu cầu trợ giúp pháp lý bổ sung các giấy tờ, tài liệu cần thiết.

1.10. Sửa đổi, bổ sung quy định về tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tố tụng tại Điều 32 và Điều 33

Theo đó, Luật năm 2026 bỏ quy định về quy trình giải quyết, thời hạn giải quyết khi thực hiện tư vấn pháp luật và đại diện ngoài tố tụng, cụ thể bỏ quy định “*Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thụ lý vụ việc hoặc nhận đủ các giấy tờ, tài liệu cần bổ sung, người thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm nghiên cứu và trả lời bằng văn bản cho người được trợ giúp pháp lý; đối với vụ việc phức tạp hoặc cần có thời gian để xác minh thì có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với người được trợ giúp pháp lý*” **và** “*Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý, tổ chức thực*

hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm cử người đại diện ngoài tổ tụng cho người được trợ giúp pháp lý” mà giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và quy định trình tự, thủ tục thực hiện vụ việc tư vấn pháp luật; trình tự, thủ tục thực hiện vụ việc đại diện ngoài tổ tụng.

1.11. Bổ sung quy định về chuyển yêu cầu, vụ việc trợ giúp pháp lý vào khoản 3 Điều 35

Luật năm 2026 tiếp tục hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền được TGPL của người dân với một điểm mới thiết thực: ***bổ sung quy định về chuyển vụ việc TGPL giữa các Trung tâm TGPL nhà nước***. Quy định này xuất phát từ thực tiễn nhiều vụ việc tham gia tố tụng được chuyển địa bàn giải quyết, người thực hiện TGPL ban đầu có thể phải mất nhiều thời gian đi lại, chi phí cao. Theo quy định mới, khi một vụ việc TGPL đã được chuyển cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng tại địa phương khác giải quyết, Trung tâm TGPL đang thực hiện có thể chuyển vụ việc cho Trung tâm tại địa phương nơi cơ quan tiến hành tố tụng đang giải quyết. Đồng thời, việc chuyển này phải được thông báo để người được TGPL biết, bảo đảm tính minh bạch và quyền được thông tin của người dân.

Điểm mới này tạo điều kiện để người thực hiện TGPL tiếp cận vụ việc thuận lợi hơn, bám sát quá trình giải quyết của cơ quan tiến hành tố tụng, từ đó nâng cao chất lượng tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL, đồng thời góp phần tối ưu hóa nguồn lực giữa các Trung tâm, phát huy hiệu quả mạng lưới TGPL trên phạm vi cả nước.

1.12. Sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý tại Điều 40

- Sửa đổi, bổ sung quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý, trong đó bổ sung quy định mới về nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp trong ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số và triển khai chuyển đổi số trong hoạt động trợ giúp pháp lý; xây dựng, quản lý, vận hành và thường xuyên nâng cấp hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu trợ giúp pháp lý; thực hiện kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu trợ giúp pháp lý trên Cổng Pháp luật quốc gia

- Sửa đổi, bổ sung trách nhiệm phối hợp của Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý; tạo lập, tích hợp, chia

sẽ, khai thác và sử dụng dữ liệu thông qua kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu trợ giúp pháp lý trên Cổng Pháp luật quốc gia.

- Sửa đổi, bổ sung trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý tại địa phương, bảo đảm các điều kiện làm việc của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước; phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc tạo lập, tích hợp, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu thông qua kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu trợ giúp pháp lý trên Cổng Pháp luật quốc gia.

- Bên cạnh đó, Luật năm 2026 đã bổ sung quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác TGPL². Việc luật hoá nội dung này trong Luật có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hiệu lực pháp lý và tính thống nhất trong tổ chức thực hiện. Quy định này góp phần phát huy vai trò của cấp chính quyền gần dân nhất trong việc phát hiện, hướng dẫn kịp thời người thuộc diện được TGPL tiếp cận tổ chức thực hiện TGPL.

1.13. Sửa đổi, bổ sung và luật hoá trách nhiệm của các cơ quan có liên quan đến hoạt động trợ giúp pháp lý trong tổ tụng tại Điều 41

Một trong những điểm mới đáng chú ý của Luật năm 2026 là luật hóa cơ chế trực TGPL tại Tòa án nhân dân, trực TGPL trong điều tra hình sự và cơ chế phối hợp liên ngành về TGPL trong hoạt động tố tụng, qua đó nâng tầm các cơ chế đang được vận hành hiệu quả trong thực tiễn lên thành quy định có giá trị pháp lý cao trong văn bản luật. Cụ thể, Điều 41 sửa đổi, bổ sung quy định:

“Điều 41. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan đến hoạt động trợ giúp pháp lý trong tố tụng

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm phối hợp và tổ chức phối hợp thực hiện cơ chế liên ngành, trực TGPL tại Tòa án nhân dân và trong điều tra hình sự; tạo điều kiện cho người được TGPL được hưởng quyền TGPL, tạo điều kiện cho người thực hiện TGPL tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

² Hiện nay, khoản 12 Điều 2 của Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 28/8/2018 là trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công dân, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm giải thích quyền được trợ giúp pháp lý và giới thiệu đến Trung tâm.

2. Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Tài chính phối hợp xây dựng cơ chế hội đồng phối hợp liên ngành về TGPL trong hoạt động tố tụng ở Trung ương và cấp tỉnh.

3. Các cơ quan có liên quan đến hoạt động TGPL trong tố tụng có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc tạo lập, tích hợp, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu thông qua kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu TGPL trên Cổng Pháp luật quốc gia.”.

Thực tế gần 20 năm qua cho thấy, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng và tổ chức thực hiện TGPL đã góp phần bảo đảm người thuộc diện được TGPL có thể tiếp cận dịch vụ kịp thời ngay từ giai đoạn đầu của quá trình tố tụng, nhằm hạn chế bỏ sót đối tượng và nâng cao chất lượng giải quyết vụ việc.

Việc luật hóa cơ chế trực TGPL tại Tòa án nhân dân, trực TGPL trong điều tra hình sự và cơ chế hội đồng phối hợp liên ngành mang lại nhiều lợi ích thiết thực: trước hết, nâng cao giá trị pháp lý, bảo đảm tính ổn định, thống nhất và lâu dài của cơ chế phối hợp; đồng thời tăng cường trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng (vốn có tính độc lập cao trong hoạt động nghề nghiệp) và các cơ quan liên quan trong việc bảo đảm quyền được TGPL. Bên cạnh đó, việc luật hoá các quy chế này còn tạo điều kiện để Quốc hội thực hiện chức năng giám sát, bảo đảm cơ chế này được triển khai nghiêm túc, hiệu quả trên phạm vi toàn quốc. Qua đó, Luật không chỉ củng cố một thiết chế phối hợp liên ngành có tính pháp lý cao, vận hành xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương, mà còn góp phần nâng cao chất lượng TGPL trong tố tụng, bảo đảm tốt hơn quyền tiếp cận công lý của người dân, đặc biệt là các nhóm yếu thế trong xã hội.

1.14. Sửa đổi, bổ sung Điều 42 theo hướng tăng cường trách nhiệm của Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong hoạt động TGPL

Luật năm 2026 đã sửa đổi, bổ sung Điều 42 quy định rõ hơn trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong công tác TGPL. Lần đầu tiên vai trò giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về TGPL của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên được ghi nhận trực tiếp trong luật, qua đó khẳng định vị trí của tổ chức này không chỉ là chủ thể phối hợp mà còn là lực lượng tham gia bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả trong tổ chức thực hiện chính sách, cụ thể:

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về trợ giúp pháp lý; phối hợp với các cơ quan nhà nước, tổ chức có liên quan trong công tác trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình xử lý, giải quyết vụ việc liên quan đến công dân, nếu công dân thuộc diện người được trợ giúp pháp lý, cơ quan nhà nước có trách nhiệm giải thích quyền được trợ giúp pháp lý và giới thiệu đến tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý.

1.15. Sửa đổi, bổ sung về giải quyết khiếu nại, tố cáo tại khoản 2, khoản 3 Điều 45, cụ thể:

- Người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm giải quyết khiếu nại đối với hành vi quy định. Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc quá thời hạn mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khiếu nại lên Giám đốc Sở Tư pháp.

- Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Giám đốc Sở Tư pháp hoặc quá thời hạn mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện tại Tòa án.

Đồng thời, Luật năm 2026 giao Chính phủ quy định chi tiết khoản này; quy định trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại trong trợ giúp pháp lý.

- Việc khiếu nại, khởi kiện trong trợ giúp pháp lý không thuộc trường hợp quy định thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan, gồm 02 khoản, cụ thể:

2.1. Bãi bỏ khoản 6 Điều 177 của Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 85/2025/QH15 về người được trợ giúp pháp lý quy định về người được trợ giúp pháp lý là “*Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, người làm chứng, người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng, phạm nhân*” và “*Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự*”.

2.2. Bãi bỏ Điều 61 của Luật Phòng, chống mua bán người số 53/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 86/2025/QH15 quy định về người được trợ giúp pháp lý là *“Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân của hành vi mua bán người và người dưới 18 tuổi đi cùng theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người”* và *“Nạn nhân của hành vi mua bán người theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người”*.

3. Hiệu lực thi hành

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2027./.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng, UBKT, VP - Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- UBMTTQ&TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội Luật gia tỉnh; Đoàn Luật sư tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh;
- Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: VT, PBGDPL (NPThủy).

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG